TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC - HN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1250/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1167/2026/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2026 về việc "ly hôn" giữa:

**** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980.***

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Xuân Sơn, xã Trung Giã, thành phố Hà Nội; Số CCCD: 001180004555;

**** Bị đơn: Anh Đào Văn N, sinh năm 1977.***

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Xuân Sơn, xã Trung Giã, thành phố Hà Nội; Số CCCD: 033077023454.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Q và anh Đào Văn N.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về con chung: Chị Q và anh N xác định có 03 con chung là Đào Thị Huyên, sinh ngày 12/09/1999, Đào Văn Huân, sinh ngày 25/05/2001 và Đào Ngọc Hân, sinh ngày 27/3/2012. Đối với Đào Thị Huyên và Đào Văn Huân hiện đã thành

niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn chị Q trực tiếp nuôi dưỡng Đào Ngọc Hân cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi một trong hai bên có yêu cầu giải quyết và Tòa án có quyết định khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2. Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, mỗi bên chịu ½ = 75.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7- Hà Nội theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0004851 ngày 28/8/2026. Chị Q được hoàn lại 150.000đồng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7- Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 7- Hà Nội;
- UBND xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên, trước là UBND xã Đại Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên (Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2013)
- Lưu VP; Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh T